Tuần: Ngày soạn:

Tiết: Ngày dạy:

CHỦ ĐỀ 2:

BẢO VỆ CHỦ QUYỀN, CÁC QUYỀN VÀ LỢI ÍCH HỢP PHÁP CỦA VIỆT NAM Ở BIỂN ĐÔNG

I. MỤC TIÊU:

1. Kiến thức:

- Xác định được vị trí, phạm vi của vùng biển và hải đảo Việt Nam (theo luật biển Việt Nam).
- Trình bày được những nét về môi trường, tài nguyên thiên nhiên; phân tích được những thuận lợi và khó khăn đối với phát triển kinh tế và bảo vệ chủ quyền, các quyền và lợi ích của việt nam ở Biển Đông.
- Trình bày được quà trình xác lập chủ quyền biển đảo của Việt Nam trong lịch sử.
- Sử dụng các công cụ học tập địa lí, lịch sử như: bản đồ, biểu đồ, hình ảnh để hình thành kiến thức về vị trí, phạm vi vùng biển và hải đảo Việt Nam.
- Có ý thức bảo vệ môi trường biển đảo và bảo vệ chủ quyền của việt nam trên vùng biển đảo.

2. Năng lực:

** Năng lực chung:* Năng lực tự học, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác, năng lực phát hiện và giải quyết vấn đề.

**** Năng lực chuyên biệt:***

- *Năng lực tìm hiểu lịch sử:*

+ Xác định được vị trí, phạm vi của vùng biển và hải đảo Việt Nam.

+ Trình bày được quá trình xác lập chủ quyền biển đảo của Việt Nam.

+ Phân tích được những thuận lợi và khó khăn với sự phát triển kinh tế và bảo vệ chủ quyền, lợi ích hợp pháp của biển đảo Việt Nam.

- *Nhận thức và tư duy lịch sử:*

+ Đánh giá công lao to lớn của các thế hệ cha ông đã quên mình để bảo vệ toàn vẹn chủ quyền và biển đảo của Việt Nam như ngày nay.

- *Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học:*

+ Có ý thức bảo vệ môi trường biển đảo và bảo vệ chủ quyền của Việt Nam trên vùng biển đảo.

3. Phẩm chất

+ *Chăm chỉ:* HS sưu tầm tranh ảnh, tài liệu liên quan phục vụ bài học.

+ *Trách nhiệm:* HS có trách nhiệm trong quá trình học tập như đóng góp ý kiến khi cùng làm việc nhóm.

- Giáo dục lòng yêu quê hương, đất nước, tự hào về lịch sử lâu đời của dân tộc ta,

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Giáo viên:

- Lược đồ phạm vi biển Đông.
- Sơ đồ đường cơ sở tính chiều rộng lãnh hải Việt Nam.
- Tranh ảnh, tư liệu, máy tính, ti vi

2. Học sinh:

- Tranh ảnh, tư liệu, dụng cụ học tập liên quan đế nội dung bài học theo yêu cầu của giáo viên.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC:

A. Hoạt động khởi động

a. Mục tiêu: Cung cấp thông tin, tạo kết nối giữa kiến thức của HS về vùng biển đảo Việt Nam với nội dung chủ đề.

- Tạo hứng thú, kích thích tò mò của học sinh.

b. Nội dung: GV cho học sinh xem hình ảnh lược đồ phạm vi biển Đông:

c. Sản phẩm: Một số hiểu biết của HS về Vùng biển Đông của Việt Nam

d. Tổ chức thực hiện:

- GV cho HS quan sát hình ảnh Lược đồ phạm vi biển Đông và đặt câu hỏi

1. Biển nước ta có tên là gì? (biển Đông)

2. Biển Đông của Việt Nam gồm những quần đảo lớn nào? (Hoàng Sa và Trường Sa)

3. Em hãy kể tên các vịnh, cảng nổi tiếng ở Việt Nam? (Hạ Long, Nha Trang, Sài Gòn, Vũng Tàu, Hải Phòng …)

4. Diện tích Biển Đông của Việt Nam là bao nhiêu? (khoảng 1 triệu km2)

- GV chốt kiến thức và chuyển sang nội dung của bài mới.

B. Hoạt động hình thành kiến thức

a. Mục tiêu: Xác định được vị trí, phạm vi của vùng biển và hải đảo Việt Nam (theo luật Biển Việt Nam)

b. Nội dung: Vị trí, phạm vi các vùng biển và hải đảo Việt Nam; Đặc điểm môi trường và tài nguyên biển đảo Việt Nam; thuận lợi kho khăn đối với phát triển kinh tế và bảo vệ chủ quyền biển đảo; quá trình xác lập chủ quyền biển đảo trong lịch sử Việt Nam.

c. Sản phẩm: Nội dung trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện

Hoạt động của thầy và trò	Sản phẩm dự kiến
Hoạt động 1: Vị trí, phạm vi các vùng biển và hải đảo Việt Nam: *** Mục tiêu:** Xác định được vị trí, phạm vi của vùng biển và hải đảo Việt Nam (theo luật Biển Việt Nam) *** Tổ chức thực hiện:** **Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ học tập** HS đọc phần 1, quan sát lại sơ đồ 11.1,11.2,11.4 SGK/146,147 và trả lời các câu hỏi: 1. Dựa theo lược đồ em hãy xác định Theo Luật biển Việt Nam 2012, vùng biển Việt Nam bao gồm những gì? 2. Vùng biển Việt nam có ranh giới như thế nào? 3. Vùng biển Việt Nam có hệ thống đảo và quần đảo ra sao? 4. Hiện nay, một số đảo và quần đảo tổ chức thành bao nhiêu đơn vị hành chính cấp huyện? **Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ học tập** - HS đọc SGK, qua sát lược đồ lát cắt và thực hiện yêu cầu. GV khuyến khích học sinh hợp tác với nhau (nhóm cặp/ bàn) khi thực khi thực hiện nhiệm vụ học tập. 1. Vùng biển Việt Nam bao gồm những gì? *- Theo Luật biển VN 2012, Vùng biển Việt Nam trong Biển Đông bao gồm: nội thủy, lãnh hải, phần tiếp giáp lãnh hải, vùng đặc quyền kinh tế, thềm lục*	**1. Vị trí, phạm vi các vùng biển và hải đảo Việt Nam**

địa thuộc chủ quyền, quyền tài phán quốc gia của Việt Nam. *- Dựa vào lược đồ lát cắt 11.2 (SGK/146) HS xác định trên lược đồ những thông tin trên.* 2. Vùng biển Việt nam có ranh giới như thế nào? *- Vùng biển Việt Nam mở rộng ra tới ranh giới ngoài của vùng đặc quyền kinh tế và thềm lục địa trên Biển Đông với diện tích khoảng 1 triệu km2.* *- Dựa vào lược đồ 11.3, 11.4, HS xác định lãnh hải, vùng đặc quyền kinh tế và thềm lục địa ...* 3. Vùng biển Việt Nam có hệ thống đảo và quần đảo ra sao? *- Vùng biển Việt Nam có hàng nghìn hòn đảo lớn nhỏ, trong đó có quần đảo Hoàng Sa và quần đảo Trường Sa nằm giữa Biển Đông.* 4. Hiện nay, một số đảo và quần đảo tổ chức thành bao nhiêu đơn vị hành chính cấp huyện? *- Hiện nay, một số hòn đảo và quần đảo được tổ chức thành 12 đơn vị hành chính cấp huyện (theo bảng thống kê SGK/165)* *- HS xác định 12 huyện đảo trên lược đồ 11.3 (SGK/148)* **Bước 3. Báo cáo kết quả hoạt động** - HS lần lượt trả lời các câu hỏi **Bước 4. Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập** HS phân tích, nhận xét, đánh giá kết quả của học sinh.	- Theo Luật biển VN 2012, Vùng biển Việt Nam trong Biển Đông bao gồm: nội thủy, lãnh hải, phần tiếp giáp lãnh hải, vùng đặc quyền kinh tế, thềm lục địa thuộc chủ quyền, quyền tài phán quốc gia của Việt Nam. - Vùng biển Việt Nam mở rộng ra tới ranh giới ngoài của vùng đặc quyền kinh tế và thềm lục địa trên Biển Đông với diện tích khoảng 1 triệu km2. - Vùng biển Việt Nam có hàng nghìn hòn đảo lớn nhỏ, trong đó có quần đảo Hoàng Sa và quần đảo Trường Sa nằm giữa Biển Đông.

GV bổ sung phần phân tích nhận xét, đánh giá, kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập của học sinh. Chính xác hóa và chốt các kiến thức đã hình thành cho học sinh.	- Hiện nay, một số hòn đảo và quần đảo được tổ chức thành 12 đơn vị hành chính cấp huyện.

2. Đặc điểm môi trường và tài nguyên biển đảo Việt Nam

Hoạt động của thầy và trò	Sản phẩm dự kiến
Hoạt động 1: Tìm hiểu đặc điểm môi trường và tài nguyên biển đảo Việt Nam *** Mục tiêu:** Trình bày đươc những nét chính về môi trường, tài nguyên thiên nhiên biển đảo Việt Nam. *** Tổ chức thực hiện:** **Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ học tập** HS đọc phần 2 và tham khảo nội dung bài 12 phần Địa Lí trang 154-156 và trả lời các câu hỏi: 1. Môi trường biển đảo nước ta có đặc điểm như thế nào? 2. Em làm gì để góp phần bảo vệ môi trường biển đảo? 3. Biển đảo Việt Nam có những tài nguyên nào? Trình bày các loại tài nguyên này và xác định trên bản đồ? Học sinh trả lời các câu hỏi và hoàn thành phiếu học tập sau: **Đặc điểm môi trường biển đảo** | **Tài nguyên môi trường biển đảo** | | | | | |	**2.Đặc điểm môi trường và tài nguyên biển đảo Việt Nam**
Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ học tập - HS đọc SGK và tham khảo nội dung bài 12 phần Địa Lí trang 154-156 để thực hiện yêu cầu. Giáo viên phân lớp làm 4 nhóm cùng thực hiện nhiệm vụ trong 7’ cùng hoàn thành phiếu học tập. Trong quá trình thực hiện giáo viên lưu ý hướng dẫn học sinh khai thác bản đồ. **1.Đặc điểm môi trường vùng biển đảo** +.Học sinh trình bày làm rõ đặc điểm môi trường biển đảo nước ta với chất lượng môi trường nước khá tốt, nhiều hệ sinh thái.	**a.Đặc điểm môi trường vùng biển đảo** +Chất lượng môi trường nước biển(ven bờ và xa bờ, ven các đảo và cụm đảo) đều còn

Xác định được trên bản đồ các hệ sinh thái tiêu biểu rừng ngập mặn U Minh, ven biển.
Các rạn san hô
Học sinh liên hệ với hệ sinh thái tại địa phương.
Chất lượng môi trường biển đang suy giảm. Nguyên nhân?
+Học sinh căn cứ nội dung SGK nêu các biểu hiện suy giảm như ô nhiễm nước, suy giảm hệ sinh thái.
Lí giải nguyên nhân suy giảm dựa vào kiến thức bài 12 phần Địa Lí trang 154-157. Do các hoạt động kinh tế-xã hội ven biển chủ yếu là hoạt động cảng biển, nuôi trồng hải sản, du lịch biển, nước thải nhà máy, sinh hoạt dân cư. Biến đổi khí hậu cũng ảnh hưởng đến môi trường biển.
+ Học sinh liên hệ bản thân và địa phương để có các hoạt động bảo vệ môi trường biển đảo. Tham gia các hoạt động làm sạch, giảm thiểu ô nhiễm, đấu tranh với các hành vi làm trái quy định, rèn kĩ năng thích ứng với thiên tai...

2.Tài nguyên biển đảo:

+ Hs dựa vào SGK và kiến thức bài 12 Địa lí và kiến thức bản đồ để xác định các loại tài nguyên phát hoạ theo sơ đồ:

Giáo viên hướng dẫn học sinh xác định trên bản đồ:
+ Các bãi tôm, bãi cá, các vũng vịnh nuôi trồng hải sản-> khai thác nuôi trồng hải sản.
+ Các khoáng sản dầu khí, khí tự nhiên, cát thuỷ tinh, titan, muối-> ngành công nghiệp.
+ Các bãi biển đẹp, phong cảnh biển đảo đẹp...-> phát triển du lịch biển đảo.
+ Ngoài ra các cảng nước sâu còn phát triển giao thông vận tải biển
3. Trình bày

Bước 3. Báo cáo kết quả hoạt động

- Thời gian trình bày của mỗi nhóm là 3’
- HS các nhóm lần lượt trả lời các câu hỏi
- Đại diện các nhóm trình bày bổ sung điều chỉnh.
- Các nhóm hoạt động tốt hiệu quả được điểm cao nhất.

Đặc điểm môi trường biển	**Tài nguyên môi trường biển**

khá tốt. Các hệ sinh thái biển rất đa dạng, đặc biệt là hệ sinh thái rừng ngập mặn và hệ sinh thái rạn san hô.

+ Chất lượng môi trường biển có xu hướng suy thoái: lượng rác thải, chất thải trên biển tăng, nhiều vùng biển ven bờ bị ô nhiễm, số lượng nhiều loại hải sản suy giảm, một số hệ sinh thái (nhất là hệ sinh thái san hô, cỏ biển....) bị suy giảm.

b. Tài nguyên biển đảo:

+ Tài nguyên sinh vật: nhiều loài có

đảo	đảo
Chất lượng môi trường nước biển (ven bờ và xa bờ, ven các đảo và cụm đảo) đều còn khá tốt Các hệ sinh thái biển rất đa dạng, đặc biệt là hệ sinh thái rừng ngập mặn và hệ sinh thái rạn san hô.	**Tài nguyên sinh vật:** nhiều loài có giá trị kinh tế cao, có thể khai thác1,6-1,7 triệu tấn cá , 60 -70 nghìn tấn tôm, 30-40 nghìn tấn mực. Dọc ven biển có nhiều vũng vịnh, đầm phá thuận lợi nuôi trồng thuỷ sản có giá trị cao.
Chất lượng môi trường biển có xu hướng suy thoái: lượng rác thải, chất thải trên biển tăng, nhiều vùng biển ven bờ bị ô nhiễm, số lượng nhiều loại hải sản suy giảm, một số hệ sinh thái (nhất là hệ sinh thái san hô, cỏ biển....) bị suy giảm.	**Tài nguyên khoáng sản:** nguồn muối vô tận, các khoáng sản có trữ lượng tương đối lớn như: dầu mỏ, khí tự nhiên, cát thuỷ tinh, titan....
	Tài nguyên du lịch biển đảo đặc sắc đa dạng.

Hoạt động bảo vệ môi trường biển đảo: xây dựng cơ chế, luật, áp dụng KHKT, tuyên truyền nâng cao nhận thức….

Bước 4. Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

HS phân tích, nhận xét, đánh giá kết quả của học sinh.

GV bổ sung phần phân tích nhận xét, đánh giá, kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập của học sinh. Chính xác hóa các kiến thức đã hình thành cho học sinh.

giá trị kinh tế cao, có thể khai thác1,6-1,7 triệu tấn cá , 60 -70 nghìn tấn tôm, 30-40 nghìn tấn mực. Dọc ven biển có nhiều vũng vịnh, đầm phá thuận lợi nuôi trồng thuỷ sản có giá trị cao.

+ Tài nguyên khoáng sản: nguồn muối vô tận, các khoáng sản có trữ lượng tương đối lớn như: dầu mỏ, khí tự nhiên, cát thuỷ tinh, titan....

+ Tài nguyên du lịch biển đảo đặc sắc đa dạng.

+ Ngoài ra còn có cảng nước sâu phát triển giao thông vận tải biển.

3. Những thuận lợi, khó khăn đối với phát triển kinh tế và bảo vệ chủ quyền biển đảo

Hoạt động của thầy và trò	Sản phẩm dự kiến
Hoạt động 1: Tìm hiểu những thuận lợi khó khăn đối với phát triển kinh tế biển đảo Việt Nam. *** Mục tiêu:** Trình bày đươc những thuận lợi khó khăn đối với phát triển kinh tế biển đảo Việt Nam.	**3. Những thuận lợi, khó khăn đối với phát triển kinh tế và bảo vệ chủ quyền**

*** Tổ chức thực hiện:** **Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ học tập** GV cho học sinh khởi động bằng trò chơi: Lật mở miếng ghép Hs dựa vào phần 3 mục a SGK và kiến thức bài 12 Địa lí để hoàn thành nội dung ? Nêu một số hoạt động kinh tế ở vùng biển đảo nước ta. ? Nhóm 1, 2: Thuận lợi trong phát triển kinh tế vùng biển ? Nhóm 3,4: khó khăn trong phát triển kinh tế vùng biển **Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ học tập** - HS đọc SGK và tham khảo nội dung bài 12 phần Địa Lí trang 154-156 để thực hiện yêu cầu. HS quan sát video hoạt động nhóm cặp (5 phút) trả lời câu hỏi Các nhóm cặp đứng lên trình bày, các nhóm khác nhận xét, bổ xung GV chốt lại bằng kiến thức chính HS đọc phần 3 mục a và tham khảo nội dung bài 12 phần Địa Lí trang 154 - 156 và hoạt động nhóm lớn (5 phút) Giáo viên phân lớp làm 4 nhóm cùng thực hiện nhiệm vụ trong 5' Nhóm báo cáo kết quả, nhóm khác nhận xét, bổ xung, giáo viên chốt kiến thức và bổ xung thêm tư liệu ... . Trong quá trình thực hiện giáo viên lưu ý hướng dẫn học sinh khai thác bản đồ. **a. 1.Đối với phát triển kinh tế** +.Học sinh trình bày làm những thuận lợi và khó khăn đối với phát triển kinh tế vùng biển đảo. - Thuận lợi: tài nguyên biển đa dạng: (hs kể các tài nguyên biển như: sinh vật, khoáng sản, du lịch. Vị trí địa lý thuận lợi để phát triển giao thông, là cửa ngõ giao thương quốc tế. Học sinh liên hệ với sự thuận lợi phát triển kinh tế biển đảo tại địa phương nơi đang sống. - Khó khăn: Vùng biển nước ta nhiều thiên tai. Nguyên nhân? Hiện tượng biến đổi khí hậu + Học sinh căn cứ SGK, sự hiểu biết nêu các biểu hiện biến đổi khí hậu. Nguyên nhân dẫn đến biến đổi khí hậu. Lí giải nguyên nhân dựa vào kiến thức bài 12 phần Địa Lí trang 154-157. Do vùng biển nhiệt đới ...Việc gia tăng khí CO2 do hoạt động sản xuất công nghiệp, phá rừng, sử dụng	**biển đảo** **Một số hoạt động kinh tế ở vùng biển đảo nước ta.** - Khai thác và nuôi trồng thủy sản. - Khai thác tài nguyên khoáng sản - Phát triển hoạt động du lịch biển. **a. Đối với phát triển kinh tế** **Thuận lợi:** + Tài nguyên biển (sinh vật, khoáng sản,...) đa dạng, tạo điều kiện để phát triển kinh tế biển, như: khai thác và nuôi trồng thuỷ sản, làm muối, khai thác dầu khí,... + Vị trí nằm gần các tuyến hàng hải quốc tế trên Biển Đông, dọc bờ biển có nhiều vịnh biển kín,... là điều kiện để phát triển giao thông vận tải biển, là cửa ngõ giao thương với thị trường quốc tế. + Nhiều bãi biển đẹp, nhiều vườn quốc gia, khu dự trữ

nguồn nước cũng như các loại khí độc hại khác là nguyên nhân dẫn đến tình trạng trên. Sự thay đổi trong hoạt động mặt trời, của quỹ đạo trái đất, sự dịch chuyển của các châu lục… cũng tác động không nhỏ gây nên sự biến đổi khí hậu.

+ Học sinh liên hệ bản thân và địa phương để có các hoạt động khắc phục hậu quả biến đổi khí hậu. Biết sử dụng tiết kiệm năng lượng như điện, xăng dầu, than củi,… cùng các tài nguyên khác (nước ngọt, rừng, tài nguyên sinh học, khoáng sản…) Ngăn chặn nạn phá rừng, hạn chế sử dụng túi nilon….

b. **Đối với quá trình bảo vệ chủ quyền, quyền và các lợi ích hợp pháp của Việt Nam ở Biển Đông:**

Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ học tập

+ Hs dựa vào SGK phần 3 mục b và kiến thức bài 12 Địa lí và kiến thức bản đồ để hoàn thành phiếu học tập, theo nhóm bàn: Học sinh hoàn thành phiếu học tập sau:

Thuận lợi để bảo vệ chủ quyền và lợi ích hợp pháp ở biển Đông	**Khó khăn để bảo vệ chủ quyền và lợi ích hợp pháp ở biển Đông**

Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ học tập

sinh quyển ,... tạo điều kiện để phát triển du lịch biển đảo.

- Khó khăn:

+ Vùng biển nhiệt đới nước ta nhiều thiên tai, đặc biệt là bão. Những năm gần đây, biến đổi khí hậu đã tác động lớn tới thiên nhiên vùng biển đảo, gây khó khăn cho phát triển kinh tế biển đảo.

+ Cơ sở hạ tầng các vùng biển và hải đảo nhìn chung còn chưa đầy đủ và đồng bộ, không tương xứng với tiềm năng và thế mạnh biển đảo.

b. Đối với bảo vệ chủ quyền, các

HS hoạt động theo nhóm bàn dựa theo kiến thức sgk và tư liệu tìm hiểu trước ở nhà.

3

Bước 3. Báo cáo kết quả hoạt động

- Thời gian trình bày của mỗi nhóm là 2’
- Đại diện một số nhóm lần lượt trả lời các câu hỏi
- Đại diện các nhóm khác trình bày bổ sung điều chỉnh.
- Các nhóm hoạt động tốt hiệu quả được điểm cao.

Thuận lợi để bảo vệ chủ quyền và lợi ích hợp pháp ở biển Đông	**Khó khăn để bảo vệ chủ quyền và lợi ích hợp pháp ở biển Đông**
+ Việt Nam đã kí kết Công ước của Liên hợp quốc về Luật Biển 1982 và được sự ủng hộ của nhiều quốc gia trên thế giới trong quá trình đấu tranh nhằm thực thi Công ước trên Biển Đông.	Tình trạng chồng lấn giữa vùng biển đảo của nhiều quốc gia đã dẫn đến những tranh chấp, ảnh hưởng đến tình hình an ninh trên Biển Đông.
+ Việt Nam đã xây dựng được hệ thống luật và pháp luật làm cơ sở để bảo vệ chủ quyền, các quyền và lợi ích hợp pháp của đất nước trên Biển Đông, như: Luật Biển Việt Nam năm 2012, Luật Biên giới Quốc gia năm 2003,...	Trung Quốc có nhiều hoạt động thể hiện lấn chiếm vùng biển đảo của nước ta: xây dựng giàn khoan trái phép, xây dựng bản đồ đường lưỡi bò ....
+ Việt Nam tích cực tham gia xây dựng Bộ Quy tắc ứng xử trên Biển Đông (COC), kí một số thoả thuận và hiệp định về phân định và hợp tác trên biển với các nước láng giềng, như: Hiệp định phân định ranh giới thềm lục địa với In-đô-nê-xi-	

quyền và lợi ích hợp pháp của Việt Nam ở biển Đông

+ Việt Nam đã kí kết Công ước của Liên hợp quốc về Luật Biển 1982 và được sự ủng hộ của nhiều quốc gia trên thế giới trong quá trình đấu tranh nhằm thực thi Công ước trên Biển Đông.

+ Việt Nam đã xây dựng được hệ thống luật và pháp luật làm cơ sở để bảo vệ chủ quyền, các quyền và lợi ích hợp pháp của đất nước trên Biển Đông, như: Luật Biển Việt Nam năm 2012, Luật Biên giới Quốc gia năm 2003,...

+ Việt Nam tích cực tham gia xây dựng Bộ Quy tắc ứng xử trên Biển Đông (COC), kí một số thoả thuận và hiệp định về phân định và hợp tác trên biển với các nước láng giềng, như: Hiệp định phân định ranh giới thềm lục địa với In-đô-nê-

a năm 2003… + Tình hình an ninh, chính trị khu vực Đông Nam Á ngày càng ổn định, các nước ASEAN ngày càng đồng thuận trong cách ứng xử của các bên trên Biển Đông.		xi-a năm 2003, Thoả thuận hợp tác khai thác chung thềm lục địa chồng lấn với Ma-lai-xi-a năm 1992,... + Tình hình an ninh, chính trị khu vực Đông Nam Á ngày càng ổn định, các nước ASEAN ngày càng đồng thuận trong cách ứng xử của các bên trên Biển Đông. - **Khó khăn:** tình trạng chồng lấn giữa vùng biển đảo của nhiều quốc gia đã dẫn đến những tranh chấp, ảnh hưởng đến tình hình an ninh trên Biển Đông.

? Chúng ta cần làm gì để khắc phục khó khăn này : tuyên truyền nhận thức, kiên quyết chống đối việc làm sai trái vi phạm chủ quyền

Bước 4. Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

HS phân tích, nhận xét, đánh giá kết quả của học sinh.

GV bổ sung phần phân tích nhận xét, đánh giá, kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập của học sinh. Chính xác hóa các kiến thức đã hình thành cho học sinh.

4. Qúa trình xác lập chủ quyền biển đảo trong lịch sử Việt Nam.

Hoạt động của thầy và trò	Sản phẩm dự kiến
Hoạt động : Qúa trình xác lập chủ quyền biển đảo trong lịch sử Việt Nam. *** Mục tiêu:** Trình bày được quá trình xác lập chủ quyền của Việt Nam trong lịch sử *** Tổ chức thực hiện:** **Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ học tập**	**4. Qúa trình xác lập chủ quyền biển đảo trong lịch sử Việt Nam.**

Chia lớp ra làm 4 nhóm HS mỗi nhóm đọc phần 4 và trả lời các câu hỏi - Nhóm 1.Quá trình xác lập chủ quyền của Việt Nam thời tiền sử diễn ra như thế nào*?(tình hình Việt Nam, biểu hiện(bằng chứng), ý nghĩa của quá trình xác lập chủ quyền)* - Nhóm 2.Quá trình xác lập chủ quyền của Việt Nam từ thế kỉ VII TCN đến thế kỉ X diễn ra như thế nào? *?(tình hình Việt Nam, biểu hiện(bằng chứng), ý nghĩa của quá trình xác lập chủ quyền)* - Nhóm 3.Quá trình xác lập chủ quyền của Việt Nam từ thế kỉ X- XV diễn ra như thế nào? *?(tình hình Việt Nam, biểu hiện(bằng chứng), ý nghĩa của quá trình xác lập chủ quyền)* - Nhóm 4.Quá trình xác lập chủ quyền của Việt Nam từ thế kỉ XVI-XIX và từ thế kỉ XIX đến ngày nay diễn ra như thế nào? *?(tình hình Việt Nam, biểu hiện(bằng chứng), ý nghĩa của quá trình xác lập chủ quyền)*	
Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ học tập - HS đọc SGK và thực hiện yêu cầu. 1. Nhóm 1 Quá trình xác lập chủ quyền của Việt Nam thời tiền sử diễn ra như thế nào? +Nhiều bộ lạc đã sinh sống gần các hang động ven biển như: Quảng Ninh, Hải Phòng,Nghệ An, Hà Tĩnh,… + Biểu hiện: cư dân Việt cổ có những hoạt động đánh bắt hải sản cũng như giao lưu kinh tế, văn hóa giữa các vùng và trong khu vực. + Ý nghĩa: Đánh dấu sự xuất hiện của người Việt cổ ở những vùng đất ven biển. 2.Nhóm 2 Quá trình xác lập chủ quyền của Việt Nam từ thế kỉ VII TCN đến thế kỉ X diễn ra như thế nào? + Thời kì ra đời và phát triển của các nhà nước đầu tiên trên lãnh thổ Việt Nam. + Biểu hiện: cư dân tiếp tục sinh sống và khai thác biển. Trong khoảng hơn một nghìn năm bắc thuộc người Việt ở phía bắc vừa đấu tranh giành độc lập vừa duy trì và thực thi chủ quyền biển đảo qua khai	*** Thời tiền sử:** cư dân Việt cổ có những hoạt động đánh bắt hải sản cũng như giao lưu kinh tế, văn hóa giữa các vùng và trong khu vực. : *** Từ thế kỉ VII TCN đến thế kỉ X:** cư dân người Việt tiếp tục sinh sống và khai thác biển. Trong khoảng hơn một nghìn năm bắc thuộc người Việt ở phía bắc vừa đấu tranh giành độc lập vừa duy trì và thực thi chủ quyền biển đảo qua

thác biển đảo. + Ý nghĩa: Các nền văn minh đầu tiên của Việt Nam được ra đời ở lưu vực các con sông lớn. 3.Nhóm 3 Quá trình xác lập chủ quyền của Việt Nam từ thế kỉ X- XV diễn ra như thế nào? +Thời kì các nhà nước phong kiến ra đời và phát triển. + Biểu hiện: . Thế kỉ XI đến thế kỉ XIV: Thời Lý-Trần xây dựng cảng Vân Đồn(Quảng Ninh) thành thương cảng và quân cảng,góp phần vào chiến thắng ngoại xâm của quân dân Đại Việt. Ngoài ra còn có các cửa biển khác trở thàng trung tâm buôn bán lớn;Hội Thống(Nghệ An- Hà Tĩnh) Hội Triều(Thanh Hóa*) (hình 2.2 trang 168)* . Thời Lê sơ(XV) tiếp tục khai phá và mở rộng vùng đất phía nam, duy trì các thương cảng, giữ vững chủ quyền trên đất liền cũng như biển đảo.)*(hình 2.2 trang 168)* + Ý nghĩa: từ xa xưa, nhân dân ta đã biết khai thác lợi thế của biển, các triều đại phong kiến quan tâm phát triển giao thương đường biển, giữ vững chủ quyền trên đất liền cũng như trên biển. 4. Nhóm 4.Quá trình xác lập chủ quyền của Việt Nam từ thế kỉ XVI-XIX và từ thế kỉ XIX đến ngày nay diễn ra như thế nào? + Đất nước chia thành Đàng Trong và Đàng Ngoài. +Biểu hiện:Các cảng thị, đô thị đều hướng ra biển, giao thương mở rộng với các nước trong khu vực và cả Châu Âu. . Chính quyền chúa Nguyễn ở Đàng Trong tiếp tục thực hiện chủ quyền biển đảo thông qua các việc như: khai khẩn vùng đất phía nam, xây dựng thành lũy, phòng thủ vên biển, lập đội quân phòng thủ biển đảo.*(tư liệu 1 trang 169).* .Triều Tây sơn tiếp tục tổ chức khai thác quần đảo Hoàng sa và thực hiện chủ quyền biển đảo.*(tư liệu 2,*	khai thác biển đảo. *** Từ thế kỉ X- XV: .** - Thế kỉ XI đến thế kỉ XIV: Thời Lý-Trần xây dựng cảng Vân Đồn(Quảng Ninh) thành thương cảng và quân cảng,góp phần vào chiến thắng ngoại xâm của quân dân Đại Việt. Ngoài ra còn có các cửa biển khác trở thàng trung tâm buôn bán lớn;Hội Thống(Nghệ An- Hà Tĩnh) Hội Triều(Thanh Hóa) - Thời Lê sơ(XV) tiếp tục khai phá và mở rộng vùng đất phía nam, duy trì các thương cảng, giữ vững chủ quyền trên đất liền cũng như biển đảo. *** Từ thế kỉ XVI-XIX.** - Chính quyền chúa Nguyễn ở Đàng Trong tiếp tục thực hiện chủ quyền biển đảo thông qua các việc như: khai khẩn vùng đất phía nam, xây dựng thành lũy, phòng thủ vên biển, lập đội quân phòng thủ biển đảo. - Triều Tây sơn tiếp tục tổ chức khai thác quần đảo Hoàng sa và thực hiện chủ quyền biển đảo. -Triều Nguyễn(1802-1884) tiếp tục thực hiện chủ quyền biển đảo thông qua các việc như:vẽ bản

hình 2.3 trang 169). .Triều Nguyễn(1802-1884) tiếp tục thực hiện chủ quyền biển đảo thông qua các việc như: bản khắc chủ quyền,vẽ bản đồ , cắm cờ trên quần đảo Hoàng sa,.. *(hình 2.4 trang 170).* - Từ 1884-1945 thực dân Pháp cai trị và đại diện quyền lợi trong quan hệ đối ngoại , tiếp tục thực thi chủ quyền biển đảo. - Từ 1945 đến nay nhà nước Việt Nam qua các thời kì tiếp tục đấu tranh kiên quyết thực thi chủ quyền biển đảo cũng như chủ quyền của hai quần đảo Hoàng sa và Trường sa. - ý nghĩa: + Qúa trình khai phá xác lập và thực thi quyền và chủ quyền biển đảo nói chung và đối với quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa nói riêng của Việt Nam diễn ra từ rất sớm theo chiều dài của tiến trình lịch sử hình thành và phát triển của dân tộc.Đó là một quá trình liên tục không ngừng nghỉ với nhiều hoạt động kiên quyết. + Là cơ sở lịch sử vững chắc cho hoạt động đấu tranh bảo vệ chủ quyền biển đảo của Việt Nam hiện nay. **Bước 3. Báo cáo kết quả hoạt động** - Từng nhóm lần lượt trả lời các câu hỏi. - Đại diện các nhóm trình bày bổ sung điều chỉnh. - Các nhóm hoạt động tốt hiệu quả được điểm cao nhất. **Bước 4. Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập** HS phân tích, nhận xét, đánh giá kết quả của học sinh. GV bổ sung phần phân tích nhận xét, đánh giá, kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập của học sinh. Chính xác hóa các kiến thức đã hình thành cho học sinh.	đồ , cắm cờ trên quần đảo Hoàng sa. *** Từ thế kỉ cuối thế kỉ XIX đến ngày nay.** - Từ 1884-1945 thực dân Pháp cai trị và đại diện quyền lợi trong quan hệ đối ngoại , tiếp tục thực thi chủ quyền biển đảo. - Từ 1945 đến nay nhà nước Việt Nam qua các thời kì tiếp tục đấu tranh kiên quyết thực thi chủ quyền biển đảo cũng như chủ quyền của hai quần đảo Hoàng sa và Trường sa. *** ý nghĩa:** - Qúa trình khai phá xác lập và thực thi quyền và chủ quyền biển đảo nói chung và đối với quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa nói riêng của Việt Nam diễn ra từ rất sớm theo chiều dài của tiến trình lịch sử hình thành và phát triển của dân tộc. - Là cơ sở lịch sử vững chắc cho hoạt động đấu tranh bảo vệ chủ quyền biển đảo của Việt Nam hiện nay.

C. Hoạt động luyện tập

a. Mục tiêu: Nhằm củng cố, hệ thống hóa, hoàn thiện kiến thức mới mà HS đã được lĩnh hội ở hoạt động hình thành kiến thức về bảo vệ chủ quyền, các quyền và lợi ích hợp pháp của Việt Nam trên biển Đông

- Củng cố kiến thức vị trí, phạm vi của vùng biển và hải đảo Việt Nam (theo luật biển Việt Nam).
- Trình bày được những nét về môi trường, tài nguyên thiên nhiên; phân tích được những thuận lợi và khó khăn đối với phát triển kinh tế và bảo vệ chủ quyền, các quyền và lợi ích của việt nam ở Biển Đông.
- Củng cố kiến thức về quá trình xác lập chủ quyền biển đảo của Việt Nam trong lịch sử.

b. Nội dung: GV giao nhiệm vụ cho HS và chủ yếu cho làm việc cá nhân, trả lời các câu hỏi trắc nghiệm. Trong quá trình làm việc HS có thể trao đổi với bạn hoặc thầy, cô giáo.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện

1. Sơ đồ khái quát hóa môi trường và tài nguyên biển đảo.

Hướng dẫn gợi ý:

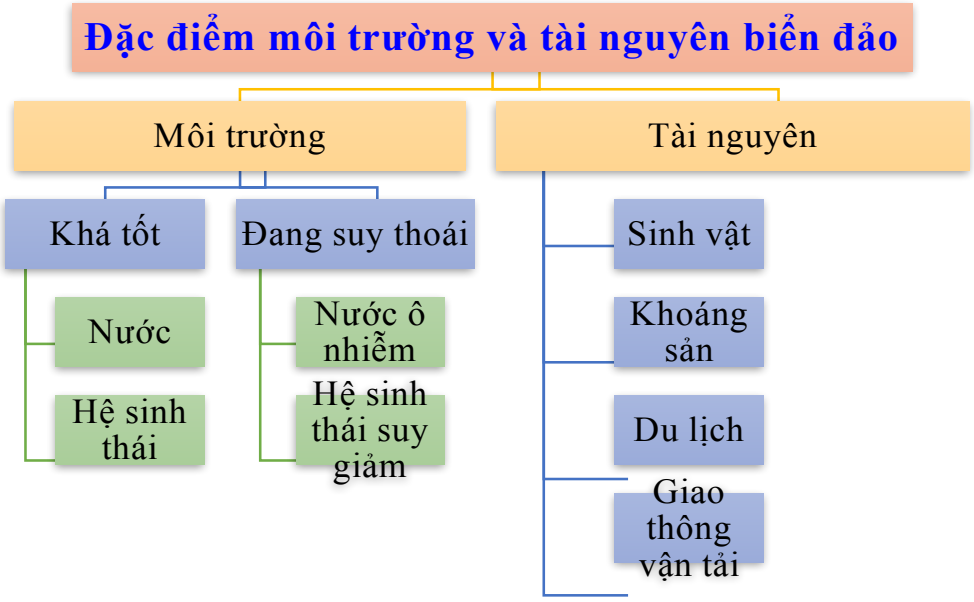

2.Học sinh hoàn thành bảng tổng kết về quá trìnhxác lập chủ quyền biển đảo của Việt Nam trong lịch sử sau:

Thời gian	**Biểu hiện/ bằng chứng**	**Ý nghĩa**
Thời tiền sử		
Thế kỷ VII đến thế kỷ X		
Thế kỷ X đến thế kỷ XV		
Thế kỷ VVI đến thế kỷ XIX		

Cuối thế kỷ XIX đến nay		

HS hoàn thành bảng tổng kết có thê làm theo nhóm lớn. Mỗi nhóm_một nội dung và phần ý nghĩa.

Thời gian	**Biểu hiện/ bằng chứng**	**Ý nghĩa**
Thời tiền sử	- Nhiều bộ lạc đã sinh sống ở các hang động ven biển Hải Phòng, Quảng Ninh, Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Bình...	- Khai phá, xác lập và thực thi quyền, chủ quyền biển đảo nói chung và đối với quần đảo Hoàng Sa, Trường Sa nói riêng. - Là cơ sở lịch sử vững chắc cho hoạt động đấu tranh bảo vệ chủ quyền biển đảo của Việt Nam hiện nay.
Thế kỉ VII đến thế kỉ X	- Hoa văn hình thuyền trang trí trên các thạp đồng, trống đồng thuộc văn hoá Đông Sơn. - Hoạt động ngoại thương của vương quốc Chămpa và Phù Nam	
Thế kỉ X đến thế kỉ XV	- Cư dân ven biển tiếp tục khai thác biển, lập nghiệp - Nhiều cuộc đấu tranh chống ngoại xâm của người Việt gắn liền với Biển (ví dụ: 3 trận chiến tại cửa biển Bạch Đằng,…) - Hoạt động ngoại thương diễn ra sôi nổi tại các hải cảng, như: Vân Đồn, Hội Thống, Hội Triều, Đại Chiêm, Tân Châu…	
Thế kỉ XVI đến cuối thế kỉ XIX	- Các cảng thị, đô thị cổ ở cả Đàng Ngoài và Đàng Trong đều hướng ra biển. - Chính quyền chúa Nguyễn, nhà Tây Sơn,	

	nhà Nguyễn có nhiều hoạt động khai thác, xác lập và thực thi chủ quyền tại quần đảo Hoàng Sa và quần đảo Trường Sa.	
Cuối XIX đến nay	- Các hoạt động khai thác, thực thi và bảo vệ chủ quyền tiếp tục được tiến hành.	

D. Hoạt động vận dụng

a. Mục tiêu: Phát triển các năng lực tự chủ và tự học, năng lực tìm hiểu địa lí, lịch sử và năng lực vận dụng kiến thức, kĩ năng lịch sử và địa lí vào cuộc sống

b. Nội dung:

- Giá trị môi trường, tài nguyên biển đảo Việt Nam.
- Quá trình xác lập chủ quyền biển đảo của Việt Nam trong lịch sử: Những bằng chứng và ý nghĩa.
- Thông điệp tuyên truyền kêu gọi thế hệ trẻ bảo vệ chủ quyền biển đảo của Việt Nam.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện: GV giao về nhà cho HS làm vào vở BT

GV giao nhiệm vụ cho HS về nhà lựa chọn một trong hai nhiệm vụ và tìm hiểu, sau đó kiểm tra kết quả làm việc của HS vào đầu giờ học sau hoặc yêu cầu chia sẻ trong nhóm học tập, cặp đôi học tập. Tuỳ vào tình hình thực tế của HS tại địa phương. GV đưa ra những nhiệm vụ mở rộng, nâng cao cho phù hợp và linh hoạt

Câu 1. GV hướng dẫn HS trưng bày tranh ảnh, tư liệu rồi thuyết minh/giới thiệu theo dàn ý:

- Giá trị môi trường, tài nguyên biển đảo Việt Nam.
- Quá trình xác lập chủ quyền biển đảo của Việt Nam trong lịch sử: Những bằng chứng và ý nghĩa.
- Thông điệp tuyên truyền kêu gọi thế hệ trẻ bảo vệ chủ quyền biển đảo của Việt Nam.

Câu 2. GV hướng dẫn Hs các trang web và tư liệu để HS tìm hiểu, viết bản tin.

- Lưu ý: Bản tin ngắn là hình thức thông bảo, truyền tải thông tin nhanh chóng đến người đọc. Vì thế, bản tin chứa đựng nội dung và ý nghĩa, thông điệp nhất định mà tác giả muốn truyền đến người đọc.
- Cấu trúc nội dung: hướng dẫn HS áp dụng cấu trúc 5W – IH (6 câu hỏi cơ bản: What – Cái giữ When – Khi nào? Who - Ai? Where – Ở đâu? Why – Visao? và How – Như thế nào?),

Với chủ đề này, HS có thể viết bản tin theo gợi ý như sau

— Bản tin này nói về cái gì? Vì sao cần viết bản tin này

– Có những bằng chứng nào? Có những nhân vật nào liên quan

– Những bằng chúng hiện trưng bày ở đâu? Tìm thấy ở đâu?

– Những bằng chứng đó chứng minh điều giữ Làm thế nào để giới thiệu những bằng chứng dó cho bạn bè quốc tế.

Thông điệp của tác giả qua bài viết này là gì?

*** Hướng dân học bài:** Ôn lại các nội dung đã học